

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/DS-PT
Ngày 21-6-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Vân
Bà Bùi Thị Thu Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 21/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/TB-TA ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Lê Công Đ; nơi cư trú: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Lê Thị H; nơi cư trú: Xóm Nam, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lê Công N (tên gọi khác: Lê Công Đ); nơi cư trú: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị V, nơi cư trú: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng (văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn chứng thực số 186 ngày 12/12/2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Minh N - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị V, nơi cư trú: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị V: Ông Nguyễn Anh Vũ - Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Hoa Phượng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C, nơi cư trú: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo:

1. Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H là nguyên đơn.

2. Ông Lê Công N (Đạt) là bị đơn.

3. Bà Vũ Thị V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H trình bày:

Cụ Lê Công B (chết năm 2008) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2000) sinh được 03 người con gồm: Ông Lê Công Đ, Lê Công N (tên gọi khác: Đạt) và bà Lê Thị H. Cụ B, cụ H không có con riêng, con nuôi, không có di chúc.

Khi còn sống cụ B, cụ H có tạo dựng được khối tài sản là diện tích đất 440m² tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (trước đây là thửa 527, tờ bản đồ số 09 diện tích 540) (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 324). Toàn bộ sản này hiện nay ông N đang quản lý sử dụng; toàn bộ tài sản trên đất của vợ chồng ông N xây. Khi còn sống bố mẹ ở cùng ông N và bà V, khi già yếu và cuộc sống có mâu thuẫn thì bố ông chuyển ra ở cùng vợ chồng ông, sau đó cụ H cũng chuyển ra nhà ông Đ ăn ở cho đến khi chết. Nay ông Đ và bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản theo pháp

luật là quyền sử dụng đất của bố mẹ theo diện tích đo vẽ thực tế; yêu cầu được hưởng bằng hiện vật để sử dụng.

Đối với phần diện tích vợ chồng ông N mua thêm của bà Gái để xây công trình phụ, ông Đ và bà H không yêu cầu giải quyết vì đó là của vợ chồng ông N.

Yêu cầu Tòa án xét công sức cho bà Chuyển nuôi bố mẹ khi bố mẹ ra nhà vợ chồng ông ăn ở. Đối với số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản đã tự nguyện nộp, ông Đ, bà H không yêu cầu bị đơn cũng như các đương sự khác trong vụ án phải chịu.

Lời khai của bị đơn là Lê Công N trình bày:

Thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông Đ và bà H về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế là đúng. Bố mẹ ăn ở với ông từ khi ông còn nhỏ, khi ông kết hôn với bà V thì vợ chồng ông nuôi bố mẹ. Bố mẹ ốm đi viện, ốm nặng rồi chết tại nhà ông Đ vào thời gian như ông Đ, bà H trình bày ở trên. Bà Nguyễn Thị C không có công sức nuôi dưỡng bố mẹ, còn chửi bới, đánh bố mẹ chồng. Việc ông Đ, bà H yêu cầu chia thừa kế ông không đồng ý vì khi còn sống bố mẹ ông đã bán 72m² tại thửa đất trên cho ông Bỉnh để lo chỗ ở khác cho ông Đ. Yêu cầu Tòa án xét công sức tôn tạo làm tăng giá trị của đất và chăm sóc bố mẹ cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị V trình bày:

Năm 1995 bà kết hôn với ông Đ và về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thửa đất trên. Năm 1996 - 1997 được sự đồng ý của cụ B, cụ H, vợ chồng ông đã phá bỏ ngôi nhà cấp 4 cũ nát và bỏ tiền ra xây dựng, kiến tạo các công trình như hiện nay. Khi còn sống cụ B, cụ H có nói miệng cho vợ chồng bà thửa đất trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Thửa đất trên trước đây có ao hồ, ông bà đã mất nhiều công của vật lập được như hiện nay. Ngoài ra quá trình ăn ở, vợ chồng ông bà còn mua thêm (không có giấy tờ) của bà Gái diện tích khoảng hơn 10m² để xây công trình phụ.

Bà V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chia thì yêu cầu xét công sức cho bà như ông N trình bày.

Thửa đất số 324 là của các cụ để lại chứ không phải là di sản của cụ B, cụ H. Trước đó do cụ Lê Công Bộc sử dụng, sau này để lại cho con trai là Lê Công Kỳ. Cụ Kỳ để lại cho con trai là Lê Công B (bố đẻ của ông N, ông Đ, bà H) sử dụng. Bà V yêu cầu Tòa án đưa ông Lê Công T sinh năm 1965 ở thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia vụ án do ông Thuận là con của cụ B nên phải được chia di sản thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét thụ lý yêu cầu phân chia di sản thừa kế khác của bị đơn là thửa

đất số 523, tờ bản đồ số 01 có diện tích 540m² thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương để giải quyết trong cùng vụ án này. Yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để triệu tập và đưa ông Lê Công T tham gia vụ án, thụ lý thêm yêu cầu di sản thừa kế. Trường hợp Tòa án chia, yêu cầu xét thực tế sử dụng, công sức vợ chồng ông N để chia cho phần hiện vật nhiều hơn hoặc thanh giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Về chứng cứ thể hiện như sau: Thừa đất số 324 đứng tên cụ Lê Công B tại trang 90 Sổ mục kê xã Bắc Sơn, huyện An Dương năm 1996.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Công Đ, bà Lê Thị H đối với khối di sản của cụ Lê Công B và cụ Nguyễn Thị H. Xác định khối di sản của cụ Lê Công B và Nguyễn Thị H để lại là diện tích đất 458,5m² tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1 trên sơ đồ.

2. Chia cho ông Lê Công Đ được quản lý, sử dụng diện tích 110m² (có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia cho ông N, bà V; Phía Nam giáp đất của ông S; phía Đông giáp ngõ xóm; phía Tây giáp hộ bà Nga - gồm các mốc giới 6,7,8,9,10,12,6 trên sơ đồ). Ông N, bà V có trách nhiệm tự tháo dỡ các tài sản để bàn giao đất cho ông Đ.

3. Chia, giao cho ông Lê Công N và bà Vũ Thị V quản lý, sử dụng diện tích 348,5m² (có tứ cận: Phía Bắc giáp hộ ông B; phía Nam và đất chia cho ông Đ; phía Đông giáp ngõ xóm; phía Tây giáp hộ bà Nga - gồm các mốc giới 1,2,3,4,5,12,10,11,1 trên sơ đồ) trên đất có các công trình của ông N, bà V. (Có sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án).

4. Ông Lê Công N có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Công Đ số tiền chênh lệch là 50.600.000 đồng; thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền chênh lệch là 1.260.600.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/3/2023, ông Lê Công N và bà Vũ Thị V kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Lý do kháng cáo: Bản án của Tòa án nhân dân huyện

An Dương chia chưa khách quan, thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ tham gia tố tụng khác.

Ngày 07/3/2023, ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H kháng cáo không đồng ý cách phân chia tài sản thừa kế của Tòa án nhân dân huyện An Dương. Lý do kháng cáo: Bố mẹ của ông bà chết không có di chúc hay văn bản nào tặng cho. Ông bà yêu cầu tòa án chia diện tích đất 470m² là tài sản thừa kế làm ba phần bằng nhau và được hưởng toàn bộ bằng hiện vật.

Ngày 27/3/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23/3/2023. Lý do kháng nghị: Tòa án nhân dân huyện An Dương nhận định, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật chưa đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H và Ngân sách nhà nước.

1. Việc giao cho ông N được quản lý, sử dụng toàn bộ suất thừa kế của bà H và một phần suất thừa kế của ông Đ bằng hiện vật và thanh toán bằng giá trị cho bà H, ông Đ là không phù hợp:

Theo kết quả thẩm định thực tế và sơ đồ của Tòa án thể hiện diện tích thực tế là 458,5m²; trên đất có hai căn nhà (diện tích lần lượt là 61,3m² và 21,2m²), sân bê tông 107,5m²; 01 bể nước; 01 nhà kho; các công trình đều xây dựng về phía cuối thửa đất. Các vị trí còn lại đều đủ điều kiện chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, không ảnh hưởng đến công năng sử dụng các công trình và giá trị tài sản của ông N. Tuy nhiên, tòa cấp sơ thẩm không chia cho bà Lê Thị H bằng hiện vật và chỉ chia cho ông Lê Công Đ 110m² (thiếu 4,6m² với định suất thừa kế) là không đúng quy định của người được hưởng di sản thừa kế theo khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Tòa án cấp sơ thẩm tính phần công sức giữ gìn làm tăng giá trị di sản thừa kế cho bà V được hưởng là 57,3m² (trị giá 630.000.000đồng). Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng, tuy nhiên bà V được xác định là người thứ ba, các đồng thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ trả công sức giữ gìn tôn tạo cho bà V theo điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 của Quốc Hội.

Như vậy, tòa án tuyên bà H chịu án phí đối với phần di sản được hưởng mà không buộc bà H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ với bên thứ ba là không đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 05/6/2023, ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại để có căn cứ giải quyết nội dung kháng cáo của ông bà.

Ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành việc

xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của người kháng cáo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N và bà V yêu cầu đưa ông Lê Công T và những người con của ông N, bà V là Lê Thị An, sinh năm 1996, Lê Thị Toàn sinh năm 1997, Lê Công Chiến, sinh năm 1999 và Lê Thị Tư, sinh năm 2001 là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì anh Toàn, chị An có công sức đóng góp vào tài sản của vợ chồng ông N và bà V. Ông Thuận là con của ông Lê Công Kỳ và nguồn gốc đất là của các cụ để lại.

Tại phần tranh luận, bà Vũ Thị V rút nội dung kháng cáo về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V và ông N thống nhất với việc yêu cầu rút một phần kháng cáo của bà V và trình bày: Sau khi nghe Hội đồng xét xử tham gia phần hỏi và công khai các chứng cứ thấy ông Lê Công T và những người con của ông N và bà V không liên quan trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút nội dung kháng cáo này. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V cũng yêu cầu tòa án khi phân chia tài sản nên xem xét công sức của bà V và phân chia phần đất đang có các công trình của ông N và bà V cho họ để họ tiếp tục sử dụng, ổn định chỗ ăn ở sinh hoạt trong gia đình. Phần đất giao cho ông Đ và bà H nếu có tài sản của ông N và bà V thì cần yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho họ khi ông Đ và bà H tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản đó.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N cho rằng có căn cứ khi bố mẹ còn sống đã cho ông N diện tích đất đang tranh chấp, bởi lẽ diện tích đất đang tranh chấp có khuôn viên riêng, ông bà đã xây dựng nhà ở ổn định, bố mẹ và anh chị em đều biết nhưng không có ý kiến, không tranh chấp. Nên yêu cầu chia thừa kế của ông Đ và bà H không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Cụ Lê Công B (chết năm 2008) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2000) sinh được 03 người con chung là ông Lê Công Đ, ông Lê Công N (tên khác: Đạt) và bà Lê Thị H, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS: Ông Đ, ông N và bà H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ H. Tài liệu trong hồ sơ không thể hiện việc ông Lê Công T (họ hàng với các đương sự) thuộc diện hưởng di sản thừa kế nên việc ông N và bà V đề nghị đưa thêm ông Thuận tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

Xác minh tại UBND xã Bắc Sơn, ông Nguyễn Trung Thành – công chức địa chính xã cung cấp về nguồn gốc thửa đất số 324 là của ông Lê Công B và bà Nguyễn Thị H. Tại sổ mục kê của xã Bắc Sơn lập năm 1996 (trang 90), thửa đất số 324 có diện tích 440 m², đứng tên chủ sử dụng là cụ Lê Công B. Do đó có cơ sở khẳng định thửa đất số 324 là di sản thừa kế của cụ B và cụ H.

Về việc bị đơn yêu cầu Tòa án thụ lý phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 01 xã Bắc Sơn, huyện An Dương hiện đang do ông Lê Công Đ quản lý, sử dụng để giải quyết trong cùng vụ án: Yêu cầu này được đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi thấy cần thiết mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của mình.

Về việc phân chia tài sản thừa kế và nghĩa vụ chịu án phí: Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhận định, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật chưa đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H và ngân sách Nhà nước. Cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế cho ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H được hưởng bằng hiện vật và buộc bà H ngoài phần án phí đối với phần giá trị di sản được hưởng thì còn phải chịu thêm án phí đối với phần giá trị công sức gìn giữ tôn tạo của người thứ 3 (bà V), cụ thể: Phần giá trị công sức cho bà V hưởng là 57,3m² trị giá 630.300.000 đồng, tương ứng với mức án phí sơ thẩm là 29.212.000 đồng, mỗi đồng thừa kế phải chịu mức án phí đối với phần của người thứ 3 là $29.212.000/3 = 9.737.333$ đồng (làm tròn là 9.737.000 đồng). Do đó tổng số tiền án phí sơ thẩm bà H phải chịu là: 49.818.000 đồng (án phí đối với phần giá trị di sản được hưởng) + 9.737.000 đồng (án phí đối với phần giá trị công sức gìn giữ tôn tạo của người thứ 3) = 59.555.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét kháng cáo của ông Lê Công N và bà Vũ Thị V cho rằng cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng khác:

[1] Tại phần tranh luận, bà V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V và ông N đã rút yêu cầu đưa ông Lê Công T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì toàn bộ tài sản đang tranh chấp đã được các cụ cho cụ B. Và cụ B có toàn quyền cho ông N. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là có căn cứ, bởi lẽ: Tại sổ mục kê năm 1980 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện An Dương ghi số thửa 527 tờ bản đồ 01, tên chủ sử dụng đất Lê Công B, diện tích 540m² thổ cư. Sổ mục kê đất năm 1996, trang số 90 ghi số thửa 324 Lê Công B, diện tích 440m² thổ cư. Như vậy, theo hệ thống quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện An Dương thì diện tích các bên đang tranh chấp đã được đăng ký quyền sử dụng đất cho cụ Lê Công B từ năm 1980. Không có tài liệu nào thể hiện tài sản trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Lê Công Bộc nên việc tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông Lê Công T có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ.

[2] Về việc không đưa các con của ông N và bà V là người liên quan: Tại bản tự khai ngày 13/02/2023 của bà Vũ Thị V có chị Lê Thị Tư trình bày: Toàn bộ tài sản trên đất trước đây tôi và ông N khai là do vợ chồng xây dựng không liên quan đến các con. Nay khai lại như sau: quá trình vợ chồng xây dựng tài sản thì ba con của chúng tôi là Lê Thị An, Lê Thị Tư có cho vợ chồng tôi một khoản tiền để xây, sửa sang lại công trình. Tuy nhiên, việc này để giữa vợ chồng tôi và các con tự giải quyết với nhau, không đề nghị tòa án xem xét. Cháu Lê Công Chiến không có công sức đóng góp gì, không cho vợ chồng tiền xây dựng nhà. Tại phiên tòa, bà V trình bày, các con đi làm hàng tháng cho bà tiền, bà sử dụng tiền đó để sửa nhà, các con không tranh chấp và không yêu cầu ông bà phải trả lại số tiền trên. Người bảo vệ cho bà V và ông N cũng yêu cầu nếu phải phân chia tài sản thì yêu cầu giao phần đất có công trình của ông bà cho ông bà sử dụng để đảm bảo ổn định thực tế sử dụng của các bên. Phần đất giao cho ông Đ và bà H có tài sản của ông bà Nội thì phải thanh toán bằng tiền cho họ theo giá trị đã được định giá. Xét thấy cấp sơ thẩm khi phân chia đất đã giao toàn bộ phần đất có công trình của ông N và bà V cho ông bà quản lý và sử dụng để bảo đảm cuộc sống sinh hoạt của gia đình ông bà, không ảnh hưởng đến công sức đóng góp của các con của ông bà nên việc không xác định họ là người liên quan không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[3] Do vậy việc rút kháng cáo về việc đưa thêm người tham gia tố tụng của ông N và bà V được chấp nhận.

- Xét nội dung kháng cáo về việc phân chia đất không khách quan:

[4] Bà V và ông N cho rằng phải chia phần đất mà hiện nay ông Đ đang quản lý, sử dụng vì đây cũng là tài sản của cụ B thì ông bà mới đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà H. Xét thấy nội dung này cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Bà V và ông N có quyền khởi kiện bằng vụ dân sự khác khi có yêu cầu và có căn cứ.

[5] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị V cho rằng khi còn sống cụ B và cụ H đã cho ông N toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp thấy, tuy nhiên các tài liệu thu thập được cũng như lời khai của ông N và bà V xác nhận ông bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất mang tên ông bà nên chưa có đầy đủ điều kiện để cho rằng khi cụ B và cụ H còn sống đã cho ông N và bà V diện tích đất nêu trên. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Đ và bà H thừa nhận bà V có công sức vật lộn ao để có mặt bằng đất như hiện nay, đồng ý với ý kiến của người bảo vệ cho bà V, có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản trên đất cho ông N và bà V. Đồng ý trả cho bà V và ông N một suất thừa kế về công bảo quản di sản.

- Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự: “Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thoả thuận về việc định giá hiện vật và thoả thuận về người nhận hiện vật; nếu không thoả thuận được thì hiện vật được bán để phân chia”. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đ và bà H yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật và yêu cầu được nhận đất để quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích đất 458,5m² là tài sản thừa kế của cụ Lê Công B và cụ Nguyễn Thị H, xác định hàng thừa kế của hai cụ là ông Đ, ông N, bà H và chia đều cho mỗi người được quản lý, sử dụng 114,6m² đất, trong đó có tính công sức đóng góp, bảo quản di sản cho vợ chồng ông Đ, bà V bằng một suất thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định thực tế và sơ đồ thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm và đã được cấp phúc thẩm xem xét thẩm định lại thấy trên đất có 02 căn nhà, 01 bể nước, 01 nhà kho, các công trình phụ khác đều xây dựng về phía cuối thửa đất. Các vị trí đất trống còn lại đều đủ điều kiện chia bằng hiện vật và đủ diện tích đất cho ông Đ và bà H mỗi người là 114,6m² đất không ảnh hưởng đến công năng sử dụng các công trình và giá trị tài sản của ông N nhưng toà án cấp sơ thẩm lại đánh giá cho rằng gia đình ông N xây dựng chiếm phần lớn diện tích thửa đất, việc phân chia phải đảm bảo giá trị sử dụng về tài sản và nơi ăn, ở để giao toàn bộ diện tích đất 114,6m² là suất thừa kế của bà H và chỉ giao cho ông Lê Công Đ 110m² (thiếu 4,6m² so với định suất thừa kế được hưởng) và yêu cầu

ông N bà V phải thanh toán lại bằng tiền cho bà H và ông Đ là không không đúng quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông Lê Công N, bà Lê Thị H, ông Lê Công Đ mỗi người được hưởng thừa kế là diện tích đất 114,6m² bằng hiện vật. **Chia phần công sức gìn giữ, tôn tạo cho ông Lê Công N và bà Vũ Thị V tương đương với một suất thừa kế** cho ông Lê Công N và bà Vũ Thị V một suất thừa kế là 114,6m² đất (trong đó bà V được 57,3m² và ông N được 57,3m²). Do vậy, ông N được hưởng diện tích 114,6m² + 57,3m² = 171,9m² (làm tròn là 172m²), bà V được hưởng 57,3m², tổng là 229,3m².

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Trong vụ án này bà V (là vợ ông N) không thuộc diện được hưởng di sản thừa kế và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên. Quá trình giải quyết vụ án, bà V yêu cầu được hưởng phần công sức gìn giữ tôn tạo làm tăng giá trị di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định công sức cho ông N, bà V được hưởng bằng 01 suất thừa kế (114,6m²) tức bà V được hưởng một nửa là 57,3m² (trị giá 630.300.000 đồng) nên theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà V được xác định là người thứ ba; ông Đ, ông N, bà H là người phải thực hiện nghĩa vụ trả công sức gìn giữ tôn tạo cho bà V nên ông Đ, ông N, bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà bà V được hưởng trong khối di sản thừa kế là 57,3m² (trị giá 630.300.000 đồng). Do ông Đ và ông N thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí đối với giá trị công sức gìn giữ tôn tạo phải trả cho bà V. Bà Lê Thị H không thuộc đối tượng được miễn án phí nên phải chịu án phí đối với giá trị công sức gìn giữ tôn tạo phải trả cho bà V. Do vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có căn cứ chấp nhận.

- Xét kháng cáo của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H:

[8] Như đã phân tích ở trên, diện tích đất đang tranh chấp đủ điều kiện để phân chia thừa kế bằng hiện vật cho ông Đ và bà H mỗi người được quản lý, sử dụng 114,6m² đất. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ông Đ và bà H yêu cầu được quản lý, sử dụng chung diện tích đất được phân chia của hai người là 229,2m² nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ và bà H. Chia cho ông Đ và bà H được quản lý, sử dụng chung diện tích đất 229,2m² (có sơ đồ mốc giới kèm theo bản án). Và chia phần đất có nhà ở, bếp, nhà kho, WC + nhà tắm.... là những tài sản chung của vợ chồng ông N, bà V cho ông bà tiếp tục quản lý, sử dụng như quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V trình bày, phần đất còn lại giao cho ông Đ và bà H quản lý, sử dụng.

[9] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và kết quả định giá của Hội đồng định giá thấy, tại phần đất được phân chia của ông Đ và bà H có một phần bề nước là $1,1\text{m}^3$ trị giá 305.367đ, một nhà kho $8,1\text{m}^2$ trị giá 1.530.422đ, một phần sân và lối đi là $85,4\text{m}^2$ trị giá 6.866.099đ, một trụ cổng trị giá 467.152đ, một phần tường quanh nhà trị giá 2.376.096đ; 04 cây chuối trị giá 280.000đ, 07 cây cau 1.820.000đ, 03 cây vú sữa trị giá 900.000đ, 08 cây xoài trị giá 4.000.000đ, 01 cây me trị giá 500.000đ, 02 cây khế trị giá 240.000đ, 02 cây nhãn trị giá 600.000đ, 11 cây mít trị giá 1.650.000đ, 03 cây bưởi trị giá 720.000đ. Tổng giá trị tài sản và cây cối trên đất được phân chia là 22.255.136đ. Ông Đ và bà H được sở hữu các tài sản và cây cối nêu trên nhưng có trách nhiệm thanh toán 22.255.136đ cho ông N và bà V, mỗi người có trách nhiệm thanh toán 11.127.568đ.

[10] Tại cấp sơ thẩm phân chia đất cho ông Đ nhưng không xem xét tài sản trên đất được phân chia là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Việc tòa án cấp sơ thẩm quyết định ông N, bà V có trách nhiệm tự tháo dỡ các tài sản để bàn giao đất cho ông Đ là không đảm bảo quyền lợi cho ông N và bà V.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[11.1] Ông Lê Công Đ là người cao tuổi, ông Lê Công N là người tàn tật thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH.

[11.2] Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được phân chia và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị công sức gìn giữ tôn tạo phải trả cho bà Vũ Thị V như nhận định ở trên.

[11.3] Tại cấp sơ thẩm, bà H đã nộp 13.760.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004322 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên khi tính án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, cấp sơ thẩm không đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp nêu trên. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự bà H phải chịu.

[12] Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H; Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Lê Công N và bà Vũ Thị V về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công N và bà Vũ Thị V; chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng như phân tích ở trên.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[13.1] Ông Lê Công N và bà Vũ Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[13.2] Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[13.3] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 610, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H;

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Lê Công N và bà Vũ Thị V về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công N và bà Vũ Thị V;

Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công Đ, bà Lê Thị H về việc chia tài sản thừa kế của cụ Lê Công B và cụ Nguyễn Thị H là diện tích đất 458,5m² tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng:

1. Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H được quản lý, sử dụng chung diện tích đất 229,2m² tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 2a,3,4,5,6,7,8,9,9a,2a (có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án) cùng các tài sản trên đất gồm một phần bể nước là 1,1m³ trị giá 305.367đồng, một nhà kho 8,1m² trị giá 1.530.422đồng, một phần sân và lối đi là 85,4m² trị giá 6.866.099đồng, một trụ cổng trị giá 467.152đồng, một phần tường quanh nhà trị giá 2.376.096đồng; 04 cây chuối trị giá 280.000đồng, 07 cây cau 1.820.000đồng, 03 cây vú sữa trị giá 900.000đồng,

08 cây xoài trị giá 4.000.000đồng, 01 cây me trị giá 500.000đồng, 02 cây khế trị giá 240.000đồng, 02 cây nhãn trị giá 600.000đồng, 11 cây mít trị giá 1.650.000đồng, 03 cây bưởi trị giá 720.000đồng. Tổng giá trị tài sản và cây cối trên đất được phân chia là 22.255.136đồng.

Ông Lê Công Đ có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản và cây cối cho ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V 11.127.568đ (mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản và cây cối cho ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V 11.127.568đ 11.127.568đ (mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

2. Ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V quản lý, sử dụng diện tích đất 229,3m² tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 1,2,2a,9a,10,11,12,15,1 (có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án). Ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V được quản lý, sử dụng các tài sản chung của ông N và bà V trên phần đất được phân chia.

Ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V được nhận tiền về giá trị tài sản và cây cối từ ông Lê Công Đ là 11.127.568đ (mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Ông Lê Công N (Đạt) và bà Vũ Thị V được nhận tiền về giá trị tài sản và cây cối từ bà Lê Thị H là 11.127.568đ (mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Công Đ và ông Lê Công N (Đạt) được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.555.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí là 13.760.000đồng đã nộp theo biên lai số 0004322 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Bà Lê Thị H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 45.795.000đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Lê Thị H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai số 0004465 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Ông Lê Công N và bà Vũ Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Vũ Thị V số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004466 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp